

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

PHIẾU ĐIỀU TRA BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
THỜI ĐIỂM 01/4/2023

Thông tin thu thập tại cuộc điều tra này được thực hiện theo
Quyết định số /QĐ-TCTK ngày tháng năm 2023 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thống kê; được sử dụng và bảo mật theo quy định của Luật Thống kê

ĐỊNH DANH

TỈNH/THÀNH PHỐ: _____

--	--

HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH: _____

--	--	--

XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN: _____

--	--	--	--	--

ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA: _____

--	--	--

THÀNH THỊ/NÔNG THÔN (THÀNH THỊ = 1; NÔNG THÔN = 2):.....

--

THÔN/XÓM/ẤP/BẢN/TỔ DÂN PHỐ: _____

--	--	--

HỌ SỐ:

--	--	--

HỌ VÀ TÊN CHỦ HỘ: _____

ĐỊA CHỈ CỦA HỘ: _____

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ (HỘ CỦA TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019)	
Q1.	
Q2. Trong số những người này (ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI TRONG DANH SÁCH), có ai không phải là thành viên của hộ hoặc đã chuyển hẳn đi nơi khác hoặc đã chết trước 0 giờ ngày 01/4/2023 không? (không bao gồm những người đi trọ học phổ thông, điều trị nội trú tại bệnh viện)?	CÓ..... 1 <input style="width: 40px; height: 25px;" type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input style="width: 40px; height: 25px;" type="checkbox"/> NẾU CÓ HỎI HỌ VÀ TÊN, ĐỒNG THỜI GẠCH TÊN Ở CÂU Q1
Q3. Ngoài những người nêu trên, có ai vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ ông/bà từ 6 tháng trở lên tính đến 0 giờ ngày 01/4/2023 không? Lưu ý: Bao gồm trẻ em mới sinh; người làm trong ngành công an, quân đội (không phải trong doanh trại), người mới chuyển đến xác định ăn ở ổn định tại hộ; thành viên hộ hiện đang làm việc hoặc đi cùng với người đang làm việc tại các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài	CÓ 1 <input style="width: 40px; height: 25px;" type="checkbox"/> KHÔNG 2 <input style="width: 40px; height: 25px;" type="checkbox"/> (NẾU CÓ HỎI HỌ VÀ TÊN, ĐỒNG THỜI GHI VÀO CÂU Q1)
Q4. Danh sách nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ gồm: ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BỊ GẠCH TÊN Ở CÂU Q1 VÀ "CÓ" Ở CÂU Q3	
Q5. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN)	

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ
(HỘ MỚI SO VỚI TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019)

Q1. Xin ông/bà cho biết họ và tên những người vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ **được 6 tháng trở lên** tính đến 0 giờ ngày 01/4/2023 không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại hộ (không bao gồm người của hộ là sinh viên đang đi học xa nhà hoặc học sinh phổ thông đang học tại các trường nội trú)?

GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI

- | | |
|-----------|-----------|
| 1. _____ | 14. _____ |
| 2. _____ | 15. _____ |
| 3. _____ | 16. _____ |
| 4. _____ | 17. _____ |
| 5. _____ | 18. _____ |
| 6. _____ | 19. _____ |
| 7. _____ | 20. _____ |
| 8. _____ | 21. _____ |
| 9. _____ | 22. _____ |
| 10. _____ | 23. _____ |
| 11. _____ | 24. _____ |
| 12. _____ | 25. _____ |
| 13. _____ | 26. _____ |

Q2. Trong hộ ông/bà, có ai mới chuyển đến hộ (bao gồm cả trẻ em mới sinh) **chưa được 6 tháng** tính đến 0 giờ ngày 01/4/2023 nhưng xác định sẽ ăn ở lâu dài tại hộ

CÓ1 ☐ ➔ HỎI HỌ VÀ TÊN ĐỂ GHI VÀO CÂU Q1, SAU ĐÓ CHUYỂN CÂU Q3

KHÔNG2 ☐

Q3. Trong tất cả những người đã kể tên có ai là: (NHỮNG NGƯỜI CÓ TRONG CÂU Q1)

- a. Học sinh phổ thông đến trọ học/ở nhờ?
- b. Người đến hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đến chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...?
- c. Người nước ngoài chưa nhập quốc tịch Việt Nam, Việt kiều về thăm gia đình?
- d. Bộ đội, công an ăn, ở tập trung trong doanh trại/đơn vị?

CÓ	KHÔNG
1 ☐	2 ☐
1 ☐	2 ☐
1 ☐	2 ☐
1 ☐	2 ☐

(NẾU CÓ HỎI HỌ VÀ TÊN, ĐỒNG THỜI GẠCH TÊN Ở CÂU Q1)

XÁC ĐỊNH NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ

Q4a. Trong hộ ông/bà, có ai lâu nay vẫn thường xuyên ăn ở tại hộ nhưng tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2023 tạm vắng vì các lý do sau đây không? a. Đi làm ăn xa dưới 6 tháng và không có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động? b. Điều trị nội trú tại cơ sở y tế? c. Người rời hộ dưới 1 năm vì các mục đích: đi chơi/thăm; nghỉ hè, nghỉ lễ, du lịch; chữa bệnh; công tác; đào tạo ngắn hạn...? d. Học sinh phổ thông đi trọ học/ở nhờ; người đi buôn chuyến; đi tàu viễn dương; đánh bắt hải sản? e. Đi nước ngoài trong thời hạn cho phép? f. Bị công an, quân đội tạm giữ?	<table style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;"></th> <th style="width: 45%; text-align: center;">CÓ</th> <th style="width: 45%; text-align: center;">KHÔNG</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> <tr> <td>1</td> <td style="text-align: center;">☐</td> <td style="text-align: center;">2 ☐</td> </tr> </tbody> </table> (NẾU KHÔNG CÓ AI THUỘC CÁC ĐỐI TƯỢNG TRÊN, CHUYỂN CÂU Q5a)		CÓ	KHÔNG	1	☐	2 ☐	1	☐	2 ☐	1	☐	2 ☐	1	☐	2 ☐	1	☐	2 ☐	1	☐	2 ☐
	CÓ	KHÔNG																				
1	☐	2 ☐																				
1	☐	2 ☐																				
1	☐	2 ☐																				
1	☐	2 ☐																				
1	☐	2 ☐																				
1	☐	2 ☐																				

Q4b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) 1. _____ 2. _____ 3. _____	4. _____ 5. _____ 6. _____
---	---

Q5a. Có ai vẫn thường xuyên ăn, ở tại hộ nhưng đã chết sau 0 giờ ngày 01/4/2023 và chưa được kể tên ở trên không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ → Q6
--	---

Q5b. Xin cho biết họ và tên những người này? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN CỦA TỪNG NGƯỜI) 1. _____ 2. _____	3. _____ 4. _____
---	---------------------------------

Q6. Những người là nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ là: ĐỌC TÊN NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC HIỂN THỊ TRONG DANH SÁCH (NHỮNG NGƯỜI KHÔNG BỊ GẠCH TÊN Ở CÂU Q1 VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ TÊN TRONG CÂU Q4b và CÂU Q5b)
--

Q7. Xin ông/bà cho biết ai là chủ hộ? (GHI RÕ HỌ VÀ TÊN) _____
--

PHẦN 1: THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
		_____ 	_____
1. HỌ VÀ TÊN NHỮNG NGƯỜI LÀ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TẠI HỘ, BẮT ĐẦU TỪ CHỦ HỘ. (Những người là thành viên hộ từ TĐT 2019 sẽ được lấy từ CAPI; nhập những NKTTTT mới)		_____	_____
2. [TÊN] có mối quan hệ thế nào với chủ hộ?	CHỦ HỘ 1 ☐	VỢ/CHỒNG 2 ☐ CON ĐẼ 3 ☐ CHÁU NỘI/NGOẠI 4 ☐ BỐ/MẸ 5 ☐ QUAN HỆ GIA ĐÌNH KHÁC. 6 ☐ KHÔNG QUAN HỆ GIA ĐÌNH 7 ☐	
3. [TÊN] là nam hay nữ?	NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐	NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐	
4. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM C6 ← KHÔNG XĐ NĂM 9998 ☐	THÁNG NĂM C6 ← KHÔNG XĐ NĂM 9998 ☐	
5. Hiện nay, [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN 	TUỔI TRÒN 	
6. [TÊN] thuộc dân tộc nào?	KINH 1 ☐ DÂN TỘC KHÁC 2 ☐ _____ TÊN DÂN TỘC	KINH 1 ☐ DÂN TỘC KHÁC 2 ☐ _____ TÊN DÂN TỘC	
KT1. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: DƯỚI 5 TUỔI (SINH SAU THÁNG 3 NĂM 2018) → CÂU 7, KHÁC → KT2			
7. Hiện nay, [TÊN] đã được đăng ký khai sinh chưa?	ĐÃ ĐĂNG KÝ 1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ 2 ☐	ĐÃ ĐĂNG KÝ 1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ 2 ☐	
KT2. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 1 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2022)			
8. [TÊN] đã thường trú ở phường, thị trấn hay xã này được bao lâu?	DƯỚI 1 THÁNG 1 ☐ 1 ĐẾN DƯỚI 6 THÁNG 2 ☐ 6 ĐẾN DƯỚI 12 THÁNG 3 ☐ 12 THÁNG ĐẾN DƯỚI 5 NĂM 4 ☐ 5 NĂM TRỞ LÊN 5 ☐ KHÔNG DI CHUYỂN 6 ☐ KT3 ←	DƯỚI 1 THÁNG 1 ☐ 1 ĐẾN DƯỚI 6 THÁNG 2 ☐ 6 ĐẾN DƯỚI 12 THÁNG 3 ☐ 12 THÁNG ĐẾN DƯỚI 5 NĂM 4 ☐ 5 NĂM TRỞ LÊN 5 ☐ KHÔNG DI CHUYỂN 6 ☐ KT3 ←	

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
9. Cách đây 1 năm (vào ngày 01/4/2022), [TÊN] thực tế thường trú ở tỉnh/thành phố nào hay ở nước ngoài?	Ở VIỆT NAM1 ☐ (TỈNH/THÀNH PHỐ) Ở NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ C11	Ở VIỆT NAM.....1 ☐ (TỈNH/THÀNH PHỐ) Ở NƯỚC NGOÀI.....2 ☐ C11	
10. Cách đây 1 năm, nơi thực tế thường trú nói trên của [TÊN] là phường, thị trấn hay xã ?	PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....1 ☐ XÃ2 ☐	PHƯỜNG/THỊ TRẤN.....1 ☐ XÃ.....2 ☐	
11. Lý do chính mà [TÊN] chuyển đến nơi ở hiện tại là gì?	TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI1 ☐ DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 (BAO GỒM CẢ MẤT VIỆC/ TRỞ VỀ NƠI THƯỜNG TRÚ)2 ☐ MẤT/HẾT VIỆC, KHÔNG TÌM ĐƯỢC VIỆC (KHÔNG DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19).....3 ☐ THEO GIA ĐÌNH/CHUYỂN NHÀ.....4 ☐ KẾT HÔN5 ☐ ĐI HỌC6 ☐ KHÁC (GHI CỤ THỂ)7 ☐	TÌM VIỆC/ BẮT ĐẦU CÔNG VIỆC MỚI1 ☐ DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19 (BAO GỒM CẢ MẤT VIỆC/ TRỞ VỀ NƠI THƯỜNG TRÚ)2 ☐ MẤT/HẾT VIỆC, KHÔNG TÌM ĐƯỢC VIỆC (KHÔNG DO ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH COVID-19).....3 ☐ THEO GIA ĐÌNH/CHUYỂN NHÀ.....4 ☐ KẾT HÔN5 ☐ ĐI HỌC6 ☐ KHÁC (GHI CỤ THỂ)7 ☐	
KT3. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: HỎI CHO NHỮNG NGƯỜI TỪ 5 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2018).			
12. Hiện nay [TÊN] đang đi học, đã thôi học hay chưa bao giờ đi học?	ĐANG ĐI HỌC.....1 ☐ ĐÃ THÔI HỌC.....2 ☐ C14 CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC...3 ☐ C18	ĐANG ĐI HỌC.....1 ☐ ĐÃ THÔI HỌC.....2 ☐ C14 CHƯA BAO GIỜ ĐI HỌC...3 ☐ C18	
13. Trình độ giáo dục, đào tạo [TÊN] đang học là gì?	MẦM NON.....1 ☐ C18 TIỂU HỌC/THCS/THPT:2 ☐ LỚP ĐANG HỌC: C16 SƠ CẤP/LÁI XE Ô TÔ.....3 ☐ TRUNG CẤP.....4 ☐ CAO ĐẲNG.....5 ☐ ĐẠI HỌC.....6 ☐ THẠC SĨ.....7 ☐ TIẾN SĨ8 ☐	MẦM NON.....1 ☐ C18 TIỂU HỌC/THCS/THPT:2 ☐ LỚP ĐANG HỌC: C16 SƠ CẤP/LÁI XE Ô TÔ.....3 ☐ TRUNG CẤP.....4 ☐ CAO ĐẲNG.....5 ☐ ĐẠI HỌC.....6 ☐ THẠC SĨ.....7 ☐ TIẾN SĨ8 ☐	
14.Trình độ giáo dục phổ thông cao nhất [TÊN] đã tốt nghiệp/đạt được là gì?	DƯỚI TIỂU HỌC.....1 ☐ TIỂU HỌC2 ☐ TRUNG HỌC CƠ SỞ.....3 ☐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ...4 ☐ C16	DƯỚI TIỂU HỌC.....1 ☐ TIỂU HỌC2 ☐ TRUNG HỌC CƠ SỞ.....3 ☐ TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ...4 ☐ C16	

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ		
15. Lớp học phổ thông cao nhất mà [TÊN] đã học xong? (GHI LỚP PHỔ THÔNG THEO HỆ 12 NĂM)	LỚP PHỔ THÔNG.....		
16. [TÊN] đạt được các loại trình độ nào sau đây? ĐT.V ĐỌC VÀ HỎI Đ.TĐT LẦN LƯỢT TỪNG TRÌNH ĐỘ. NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI KHÔNG CẦN HỎI CÁC TRÌNH ĐỘ TỪ CAO ĐẲNG TRỞ LÊN.	CÓ KHÔNG Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô..... 1 ☐2 ☐ Trung cấp 1 ☐2 ☐ Cao đẳng..... 1 ☐2 ☐ Đại học 1 ☐2 ☐ Thạc sĩ..... 1 ☐2 ☐ Tiến sĩ..... 1 ☐2 ☐	KHÔNG CÓ Sơ cấp/Giấy phép lái xe ô tô..... 1 ☐2 ☐ Trung cấp 1 ☐2 ☐ Cao đẳng..... 1 ☐2 ☐ Đại học 1 ☐2 ☐ Thạc sĩ..... 1 ☐2 ☐ Tiến sĩ..... 1 ☐2 ☐	
17. Tổng số năm đã học xong của tất cả các trình độ đào tạo từ sơ cấp trở lên của [TÊN]? NẾU CÓ	TỔNG SỐ NĂM HỌC		
KT4. KIỂM TRA C12 = 3 HOẶC C13 = 1 HOẶC C13 = 2 CÓ LỚP ĐANG HỌC <= 5 HOẶC C14= 1 → C18, KHÁC → CÂU KT5.			
18. Hiện nay, [TÊN] có biết đọc và biết viết không?	CÓ..... 1 ☐ KHÔNG 2 ☐	CÓ..... 1 ☐ KHÔNG 2 ☐	
KT5. KIỂM TRA CÂU 4 HOẶC CÂU 5: TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN (SINH TRƯỚC THÁNG 4 NĂM 2008) → CÂU 19; KHÁC → KT6.			
19. Tình trạng hôn nhân hiện nay của [TÊN] là gì?	CHƯA VỢ/CHỒNG ...1 ☐ CÓ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ GOÁ VỢ/CHỒNG.....3 ☐ LY HÔN4 ☐ LY THÂN.....5 ☐ KT8 ←	CHƯA VỢ/CHỒNG ...1 ☐ CÓ VỢ/CHỒNG.....2 ☐ GOÁ VỢ/CHỒNG.....3 ☐ LY HÔN4 ☐ LY THÂN.....5 ☐ KT8 ←	
KT6. KIỂM TRA C4 HOẶC C5: TỪ 15 ĐẾN 39 TUỔI (SINH TỪ THÁNG 4 NĂM 1983 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2008) → C20; KHÁC → KT8			
20. Anh/Chị đã bao giờ nghe nói về các chủ đề dưới đây chưa ? 1. Tình yêu, hôn nhân và gia đình 2. Giới tính và tình dục 3. Hiện tượng kinh nguyệt/thụ thai 4. Kế hoạch hóa gia đình 5. Bệnh lây truyền qua đường tình dục/HIV/AIDS	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐	
KT7: KIỂM TRA C20, NẾU CÓ MỘT TRONG CÁC MÃ TRẢ LỜI CÓ -> C21. Nếu KHÔNG chuyển sang Phần 2			
21. Anh/Chị đã được nghe nói về các chủ đề này thông qua hình thức nào ? 1. Tự tìm hiểu qua Internet, tivi, đài, sách báo 2. Nhà trường/thầy cô giáo 3. Từ các thành viên trong gia đình 4. Từ bạn tình, người yêu 5. Các tổ chức xã hội/cơ sở y tế/nhân viên y tế/cộng tác viên dân số 6. Nguồn khác	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ Ghi rõ	CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ CÓ.....1 ☐ KHÔNG.....2 ☐ Ghi rõ	

KT8. KIỂM TRA C4 HOẶC C5: TỪ 15 ĐẾN 39 TUỔI (SINH TỪ THÁNG 4 NĂM 1983 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2008) VÀ C19=2/3/4/5 → C22 ; KHÁC → PHẦN 2		
CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ	
22. [TÊN] kết hôn lần đầu vào tháng, năm dương lịch nào?	THÁNG NĂM NGƯỜI TIẾP THEO ← KHÔNG XĐ NĂM9998	THÁNG NĂM NGƯỜI TIẾP THEO ← KHÔNG XĐ NĂM9998
23. Khi kết hôn lần đầu , [TÊN] bao nhiêu tuổi theo dương lịch?	TUỔI TRÒN	TUỔI TRÒN

PHẦN 2: THÔNG TIN VỀ LỊCH SỬ SINH CỦA PHỤ NỮ TỪ 10 - 49 TUỔI

CÂU HỎI	TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ	
KT9. KIỂM TRA CÂU 3 (MÃ 2), CÂU 4 (SINH TỪ THÁNG 4 NĂM 1973 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2013) VÀ CÂU 5 ĐỂ XÁC ĐỊNH PHỤ NỮ TỪ 10-49 TUỔI → CÂU 24; CÒN LẠI → NGƯỜI TIẾP THEO.		
24. Chị đã sinh con bao giờ chưa? (ĐÃ SINH CON: CHỈ TÍNH TRƯỜNG HỢP CON SINH RA CÓ SỰ SỐNG)	ĐÃ SINH CON1 CHƯA SINH CON2 KT12 ←	ĐÃ SINH CON1 CHƯA SINH CON2 KT12 ←
25. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống cùng hộ với chị?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....
26. Số con trai và số con gái do chị sinh ra đang sống ở nơi khác?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....
27. Có người con nào do chị sinh ra sống nhưng đã chết không? NẾU CÓ: Số con trai, số con gái đã chết?	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....
28. Tổng số con trai và tổng số con gái do chị sinh ra?	TỔNG SỐ CON TRAI.... TỔNG SỐ CON GÁI....	TỔNG SỐ CON TRAI.... TỔNG SỐ CON GÁI....
KT10. KIỂM TRA CÂU 28 = CÂU 25 + CÂU 26 + CÂU 27, NẾU SAI XÁC ĐỊNH LẠI CHO ĐÚNG		
29. Tháng, năm dương lịch của lần sinh gần nhất?	THÁNG..... NĂM	THÁNG..... NĂM
30. Số con trai, con gái của lần sinh gần nhất? (LƯU Ý: HỎI SỐ CON CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT Ở CÂU 29)	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....	SỐ CON TRAI SỐ CON GÁI.....
KT11. KIỂM TRA CÂU 29: THÁNG, NĂM CỦA LẦN SINH GẦN NHẤT TỪ THÁNG 4/2021 ĐẾN THÁNG 3/2023 → CÂU 31; CÒN LẠI → CÂU KT 12		

31. Trong thời gian mang thai của lần sinh gần nhất, chị có đi khám thai không? NEU CÓ: Chị khám mấy lần tất cả?	CÓ 1 ☐ SỐ LẦN ☐ KHÔNG 2 ☐	CÓ 1 ☐ SỐ LẦN ☐ KHÔNG 2 ☐
32. Chị có biết giới tính của thai nhi trước khi sinh không?	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ → C35	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐ → C35
33. Chị biết giới tính của thai nhi khi thai được mấy tuần tuổi?	SỐ TUẦN KHÔNG BIẾT 98 ☐	SỐ TUẦN KHÔNG BIẾT 98 ☐
34. Chị biết giới tính của thai nhi bằng cách nào?	SIÊU ÂM 1 ☐ BẮT MẠCH 2 ☐ ĐOÁN 3 ☐ KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	SIÊU ÂM 1 ☐ BẮT MẠCH 2 ☐ ĐOÁN 3 ☐ KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)
35. Khi mang thai lần sinh gần nhất, chị muốn là con trai, con gái hay con nào cũng được?	CON TRAI 1 ☐ CON GÁI 2 ☐ CON NÀO CŨNG ĐƯỢC .. 3 ☐	CON TRAI 1 ☐ CON GÁI 2 ☐ CON NÀO CŨNG ĐƯỢC .. 3 ☐
36. Ai đỡ đẻ cho chị trong lần sinh con gần nhất?	CÁN BỘ Y TẾ 1 ☐ Y TẾ THÔN BẢN/ CÔ ĐỖ THÔN/BẢN 2 ☐ KHÁC 3 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG CÓ AI 4 ☐	CÁN BỘ Y TẾ 1 ☐ Y TẾ THÔN BẢN/ CÔ ĐỖ THÔN/BẢN 2 ☐ KHÁC 3 ☐ (GHI CỤ THỂ) KHÔNG CÓ AI 4 ☐
KT12. KIỂM TRA CÂU 3 (MÃ 2), CÂU 4 (SINH TỪ THÁNG 4 NĂM 1973 ĐẾN THÁNG 3 NĂM 2008) VÀ CÂU 5 ĐỂ XÁC ĐỊNH PHỤ NỮ TỪ 15-49 TUỔI → CÂU 37; KHÁC → CÂU KT 13		
37. Hiện nay, chị có nhu cầu sử dụng biện pháp tránh thai không?	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐	CÓ 1 ☐ KHÔNG 2 ☐
38a. Chị có thể từ chối chồng/bạn tình nếu như không muốn quan hệ tình dục không?	CÓ 1 ☐ KHÔNG/TÙY THUỘC 2 ☐ KHÔNG CHẮC CHẮN 3 ☐	CÓ 1 ☐ KHÔNG/TÙY THUỘC 2 ☐ KHÔNG CHẮC CHẮN 3 ☐
38b. Ai là người thường xuyên quyết định có hoặc không sử dụng biện pháp tránh thai?	BẢN THÂN 1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH 2 ☐ CẢ HAI 3 ☐ NGƯỜI KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	BẢN THÂN 1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH 2 ☐ CẢ HAI 3 ☐ NGƯỜI KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)
38c. Ai là người thường ra quyết định về chăm sóc sức khỏe sinh sản của chị?	BẢN THÂN 1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH 2 ☐ CẢ HAI 3 ☐ NGƯỜI KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	BẢN THÂN 1 ☐ CHỒNG/BẠN TÌNH 2 ☐ CẢ HAI 3 ☐ NGƯỜI KHÁC 4 ☐ (GHI CỤ THỂ)

39. Hiện nay, anh chị có sử dụng biện pháp tránh thai nào không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C41	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐ → C41
40. Đó là biện pháp gì?	VÒNG.....01 ☐ THUỐC UỐNG02 ☐ TIÊM.....03 ☐ CÂY04 ☐ MÀNG NGĂN05 ☐ KEM06 ☐ BAO CAO SU07 ☐ ĐÌNH SẴN NAM08 ☐ ĐÌNH SẴN NỮ09 ☐ TÍNH VÒNG KINH10 ☐ XUẤT TINH NGOÀI11 ☐ KHÁC12 ☐ (GHI CỤ THỂ) C42 ←	VÒNG01 ☐ THUỐC UỐNG02 ☐ TIÊM03 ☐ CÂY04 ☐ MÀNG NGĂN05 ☐ KEM06 ☐ BAO CAO SU07 ☐ ĐÌNH SẴN NAM08 ☐ ĐÌNH SẴN NỮ09 ☐ TÍNH VÒNG KINH10 ☐ XUẤT TINH NGOÀI11 ☐ KHÁC12 ☐ (GHI CỤ THỂ) C42 ←
41. Lý do chính mà anh chị không sử dụng biện pháp tránh thai là gì? CHỮ VIẾT TẮT: BPTT: BIỆN PHÁP TRÁNH THAI	KHÔNG QUAN HỆ TÌNH DỤC.....01 ☐ ĐANG CÓ THAI/NUÔI CON BÚ02 ☐ MUỐN CÓ CON03 ☐ CHƯA HIỂU BIẾT04 ☐ CÓ TÁC DỤNG PHỤ SAU KHI SỬ DỤNG BPTT05 ☐ KHÓ THỤ THAI/ĐÃ MẮN KINH....06 ☐ KHÔNG CÓ SẴN BPTT.....07 ☐ KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG CHI TRẢ 08 ☐ KHÁC09 ☐ (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG QUAN HỆ TÌNH DỤC.....01 ☐ ĐANG CÓ THAI/NUÔI CON BÚ02 ☐ MUỐN CÓ CON03 ☐ CHƯA HIỂU BIẾT04 ☐ CÓ TÁC DỤNG PHỤ SAU KHI SỬ DỤNG BPTT05 ☐ KHÓ THỤ THAI/ĐÃ MẮN KINH....06 ☐ KHÔNG CÓ SẴN BPTT.....07 ☐ KHÔNG ĐỦ KHẢ NĂNG CHI TRẢ 08 ☐ KHÁC09 ☐ (GHI CỤ THỂ)
42. Trong 12 tháng qua, chị có hút thai hay nạo/phá thai không?	CÓ.....1 ☐ KHÔNG2 ☐ → KT13	CÓ1 ☐ KHÔNG2 ☐ → KT13
43. Lý do chính mà chị đã hút thai hay nạo/phá thai trong 12 tháng qua là gì?	DO SỨC KHỎE MẸ.....1 ☐ CHƯA NGOÀI DẠ CON.....2 ☐ MANG THAI NGOÀI Ý MUỐN.....3 ☐ KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)	DO SỨC KHỎE MẸ.....1 ☐ DO SỨC KHỎE THAI2 ☐ MANG THAI NGOÀI Ý MUỐN.....3 ☐ KHÁC4 ☐ (GHI CỤ THỂ)
44. Chị có bị tai biến do hút thai hay nạo/phá thai không? NẾU CÓ: Đó là tai biến gì?	KHÔNG BỊ TAI BIẾN.....1 ☐ RÁCH/THÙNG TỬ CUNG.....2 ☐ CHẢY MÁU/BĂNG HUYẾT3 ☐ SỐT THAI/SỐT RAU.....4 ☐ NHIỄM TRÙNG5 ☐ KHÁC6 ☐ (GHI CỤ THỂ)	KHÔNG BỊ TAI BIẾN.....1 ☐ RÁCH/THÙNG TỬ CUNG.....2 ☐ CHẢY MÁU.....3 ☐ SỐT THAI/SỐT RAU.....4 ☐ NHIỄM TRÙNG5 ☐ KHÁC6 ☐ (GHI CỤ THỂ)
KT13. NẾU CÒN ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA → CÂU 24 CỦA PHỤ NỮ TIẾP THEO; HẾT ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA → PHẦN 3.		

PHẦN 3: THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CHẾT CỦA HỘ

45. Từ ngày 01/02/2022 (tức ngày 01 Tết Âm lịch Nhâm Dần năm 2022) đến hết ngày 31/03/2023, trong hộ ông/bà có nhân khẩu thực tế thường trú nào đã chết không (kể cả cháu nhỏ)?		CÓ 1 ☐		KHÔNG 2 ☐ → KẾT THÚC PHÒNG VẤN	
CÂU HỎI	SỐ THỨ TỰ	NGƯỜI CHẾT THỨ ... ☐	NGƯỜI CHẾT THỨ ... ☐	NGƯỜI CHẾT THỨ ... ☐	NGƯỜI CHẾT THỨ ... ☐
46. Xin ông/bà cho biết họ và tên của (từng) người chết?					
47. [TÊN] là nam hay nữ?		NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐		NAM 1 ☐ NỮ 2 ☐	
48. [TÊN] chết vào tháng, năm dương lịch nào?		THÁNG NĂM 2 0		THÁNG NĂM 2 0	
49. [TÊN] sinh vào tháng, năm dương lịch nào?		THÁNG NĂM C51 ← KXĐ NĂM 9998 ☐		THÁNG NĂM ... C51 ← KXĐ NĂM 9998 ☐	
50. Khi chết, [TÊN] được bao nhiêu tuổi theo dương lịch?		TUỔI TRÒN ..		TUỔI TRÒN .	
51. [TÊN] chết vì nguyên nhân gì?		BỆNH TẬT/CHẾT GIÀ 1 ☐ TỬ VONG DO COVID-19 2 ☐ TAI NẠN LAO ĐỘNG 3 ☐ TAI NẠN GIAO THÔNG 4 ☐ TAI NẠN KHÁC 5 ☐ TỰ TỬ 6 ☐ KHÁC 7 ☐ (GHI CỤ THỂ)		BỆNH TẬT 1 ☐ TỬ VONG DO COVID-19 2 ☐ TAI NẠN LAO ĐỘNG 3 ☐ TAI NẠN GIAO THÔNG 4 ☐ TAI NẠN KHÁC 5 ☐ TỰ TỬ 6 ☐ KHÁC 7 ☐ (GHI CỤ THỂ)	
52. [TÊN] chết đã được đăng ký khai tử chưa?		ĐÃ ĐĂNG KÝ 1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ 2 ☐		ĐÃ ĐĂNG KÝ 1 ☐ CHƯA ĐĂNG KÝ 2 ☐	

KẾT QUẢ

SỐ NHÂN KHẨU THỰC TẾ THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ:.....

--	--

SỐ NAM:

--	--

SỐ NỮ:.....

--	--

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN :

SỐ ĐIỆN THOẠI NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN :